

**ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN  
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026-2027  
(ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG KHÔNG THI TUYỂN)**

*(Kèm theo Quyết định số 792/QĐ-SGDĐT, ngày 30/6/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Phường/xã	Tên trường	Chỉ tiêu	Tuyển thăng	Điểm chuẩn trúng tuyển nguyên vọng 1								Điểm chuẩn trúng tuyển nguyên vọng 2									
					Dân tộc tại chỗ				Các dân tộc khác				Dân tộc tại chỗ				Các dân tộc khác					
					Điểm chuẩn	Số lượng	ĐTB Lớp 9	ĐTB môn toán và môn văn	Điểm chuẩn	Số lượng	ĐTB Lớp 9	ĐTB môn toán và môn văn	Điểm chuẩn	Số lượng	ĐTB Lớp 9	ĐTB môn toán và môn văn	Điểm chuẩn	Số lượng	ĐTB Lớp 9	ĐTB môn toán và môn văn lớp 9		
1		Trường THPT Nguyễn Huệ	748	9	0	0	0	0	49	739	8,96	8,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phường Buôn Ma Thuột	Trường THPT Lê Quý Đôn	660	9	34,5	34	0	0	48	617	8,3	8,05	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Phường Buôn Ma Thuột	Trường THPT Buôn Ma Thuột	704	28	41,5	26	7,2	0	47	650	8,3	7,85	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Xã Tây Hòa	Trường THPT Lê Hồng Phong	660	1	0	0	0	0	45	659	7,2	7,15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Xã Phú Hòa 1	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	484	3	0	0	0	0	44	481	7,7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Phường Buôn Hồ	Trường THPT Buôn Hồ	484	26	43	22	7,1	7,2	44	436	7,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Xã Sơn Hòa	Trường THPT Phan Bội Châu	528	39	38,5	112	6,4	5,95	43,5	377	8,03	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Phường Buôn Ma Thuột	Trường THPT Chu Văn An	660	5	40	36	6,5	0	43,5	619	7,3	6,55	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Xã Quảng Phú	Trường THPT Cư M'gar	704	12	34,5	85	0	0	42	607	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Xã Ea Đrăng	TRƯỜNG THPT EA H'LEO	484	13	33,5	75	0	0	42	396	7,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Xã Xuân Lãnh	Trường THCS và THPT Chu Văn An	132	25	42	11	0	0	41,5	96	7,486	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Xã Liên Sơn Lấp	Trường THPT Lấp	572	28	36,5	267	0	0	41,5	277	7,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Phường Tuy Hòa	Trường THPT Nguyễn Trãi	572	7	33,5	1	0	0	40,5	564	7,23	6,65	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Xã Tuy An Bắc	Trường THPT Trần Phú	440	1	0	0	0	0	40,5	439	6,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Xã Dray Bhang	Trường THPT Y Jút	660	24	34,5	146	0	0	40,5	490	7,28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Xã Krông Ana	Trường THPT Hùng Vương	308	14	37,5	44	5,9	5,55	40,5	250	7,7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Xã Krông Búk	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	352	28	38,5	106	6,7	5,7	40,5	218	7	6,6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Xã Ea Pê	Trường THPT Số 1 Lê Hồng Phong	484	5	33,5	56	0	0	40,5	423	7,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Xã Tân Tiến	Trường THPT Số 1 Nguyễn Thị Minh Khai	264	7	37,5	44	5,9	5,45	40	213	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Xã Ea Rôk	Trường THPT Ea Rôk	396	28	36,5	9	0	0	40	359	6,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Xã Phú Hòa 2	Trường THPT Trần Xuân	440	6	0	0	0	0	39,5	434	7,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Xã Tuy An Đông	Trường THPT Võ Thị Sáu	396	4	0	0	0	0	39,5	392	6,8	6,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Phường Hoa Hiệp	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	572	4	0	0	0	0	39	568	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Xã Ea Kar	Trường THPT số 1 Ngô Gia Tự	572	12	38,5	76	6	5,6	39	484	6,2	6,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Phường Thành Nhất	Trường THPT Lê Duẩn	484	14	37,5	49	6	0	39	421	6,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Xã Cư M'gar	Trường THPT Trần Quang Khải	396	3	38,5	137	6,4	0	38,5	256	6,4	6,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Xã Đông Xuân	Trường THPT Lê Lợi	396	12	35,5	28	0	0	38,5	356	6	5,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Xã Ea Knôp	Trường THPT Trần Quốc Toàn	396	3	36,5	10	0	0	38,5	383	6,6	5,65	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Xã Krông Bông	Trường THPT Krông Bông	616	13	29	91	0	0	38,5	512	5,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Xã Krông Pắc	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	528	12	38,5	85	5,9	5,25	38,5	431	6,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Xã M'Drăk	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	616	35	38,5	113	6,4	5,8	38,5	468	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Xã Ea Đrăng	Trường THPT Số 1 Phan Chu Trinh	528	10	37,5	58	5,4	4,9	38,5	460	6,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Xã Tuy An Nam	Trường THPT Lê Thành Phương	572	1	0	0	0	0	38	571	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Xã Xuân Cảnh	Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	88	0	0	0	0	0	38	88	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Phường Đông Hòa	Trường THPT Lê Trung Kiên	528	2	0	0	0	0	37,5	526	6,338	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Phường Sông Cầu	Trường THPT Phan Đình Phùng	528	0	0	0	0	0	37,5	528	7	6,05	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
37	Xã Xuân Cảnh	Trường THPT Phan Chu Trinh	396	0	0	0	0	0	37,5	396	6,3	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Xã Krông Năng	Trường THPT Số 1 Phan Bội Châu	528	13	37,5	58	6	0	37,5	457	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Phường Buôn Ma Thuột	TRƯỜNG THPT HÔNG ĐỨC	836	9	38,5	75	0	0	37,5	752	6,5	5,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Xã Quảng Phú	Trường THPT Lê Hữu Trác	660	5	38,5	311	0	0	37,5	344	6,9	5,75	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Xã Ea Kly	TRƯỜNG THPT SỐ 1 PHAN BÌNH PHỤNG	484	5	33,5	58	0	0	37,5	421	5,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Xã Ea Kar	Trường THPT Số 1 Nguyễn Thái Bình	352	14	38,5	3	0	0	37,5	335	6,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Xã Ea Na	Trường THPT Số 1 Phạm Văn Đồng	264	10	36,5	62	0	0	37,5	192	5,6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	Xã Tam Giang	Trường THPT Số 1 Tôn Đức Thắng	308	13	36,5	4	0	0	37,5	291	5,9	5,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
45	Xã Ea Nuôl	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	440	9	34,5	52	0	0	37,5	379	6,2	5,25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
46	Xã Yang Mao	Trường THPT Trần Hưng Đạo	484	33	38,5	79	0	0	37,5	372	5,9	5,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
47	Xã Ea Knuec	Trường THPT Quang Trung	396	1	37,5	166	0	0	37	229	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
48	Xã Ea Wer	Trường THPT Buôn Đôn	440	22	36,5	130	6,1	0	36,5	288	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Xã Ea Ô	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	315	11	37,5	11	0	0	36,5	293	6,2	5,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Phường Phú Yên	Trường THPT Ngô Gia Tự	660	1	0	0	0	0	35,5	659	6,2	5,25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	Xã Ea Súp	Trường THPT Ea Súp	528	11	35,5	24	0	0	35,5	493	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
52	Xã Phú Xuân	Trường THPT Lý Tự Trọng	264	3	38,5	1	0	0	35,5	260	5,5	5,05	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Xã Pong Drang	Trường THPT Phan Đăng Lưu	440	11	31,5	46	0	0	35,5	383	5,7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Xã Ea Đrăng	Trường THPT Trương Chính	396	4	35,5	145	0	0	35,5	221	0	0	0	0	0	0	0	38,5	4	0	0	0
55	Xã Ea Khăl	Trường THPT Võ Văn Kiệt	440	4	36,5	82	0	0	35,5	354	5,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Xã Sông Hinh	Trường THPT Nguyễn Du	396	28	34,5	120	5,6	0	34,5	248	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Phường Buôn Hồ	THPT HUYNH THỨC KHANG	440	4	34,5	26	0	0	34,5	410	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Xã Diê Ly	Trường THPT Số 1 Nguyễn Huệ	572	19	35,5	13	0	0	34	540	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Xã Sơn Hòa	Trường THCS và THPT Nguyễn Trung Truc	132	1	32,5	19	0	0	33,5	97	0	0	0	0	0	0	0	43	15	6,9	0	0
60	Xã Krông Ana	Trường THPT Krông Ana	528	3	33	81	0	0	33,5	444	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Xã Krông Pắc	Trường THPT số 1 Nguyễn Công Trứ	528	2	36,5	23	0	0	33,5	429	0	0	38,5	18	0	0	0	38,5	50	5,9	0	0
62	Xã Phú Hòa 1	Trường THPT Trần Bình Trọng	308	3	34,5	3	0	0	32	305	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Xã Đức Bình	Trường THCS và THPT Võ Văn Kiệt	88	5	36,5	9	0	0	32	74	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	Xã Krông Nô	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	308	6	31,5	119	0	0	32	97	0	0	35,5	22	5,6	5,3	35,5	64	0	0	0	0
65	Xã Sơn Thành	Trường THPT Phạm Văn Đồng	396	38,5	3	0	0	0	31	378	0	0	0	0	0	0	0	43,5	15	0	0	0
66	Xã Xuân Phước	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	264	1	34,5	14	0	0	31	156	0	0	40	2	0	0	0	34	21	0	0	0
67	Xã Ea Ktur	Trường THPT Việt Đức	616	8	34,5	239	0	0	31	336	0	0	0	0	0	0	40,5	33	6,84	0	0	0
68	Xã Hòa Mỹ	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	440	3	0	0	0	0	30,5	437	6,6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
69	Xã Ea Ly	Trường THPT Tôn Đức Thắng	264	4	32	43	0	0	30,5	141	0	0	34,5	2	0	0	0	33,5	3	0	0	0
70	Xã Văn Hòa	Trường THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc	132	32,5	4	0	0	0	30,5	84	0	0	35,5	9	0	0	0	37,5	4	0	0	0
71	Phường Xuân Đài	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	176	0	0	0	0	0	30,5	173	0	0	0	0	0	0	0	37,5	3	6,8	6,15	0
72	Phường Buôn Hồ	Trường THPT Hai Bà																				